

Bản án số: 31/2020/DS-PT

Ngày 09 - 3 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bệnh viện đa khoa B; trụ sở: Đường N, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mã Quốc T, chức vụ: Giám đốc Bệnh viện đa khoa B (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mã Quốc T: Ông Trần Quốc S, chức vụ: Phó Giám đốc Bệnh viện đa khoa B (Văn bản ủy quyền ngày 25/02/2019, có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đào Ngọc Đ, sinh năm 1956; cư trú tại: Đường N, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Ngọc Đ: Bà Tạ Yến O, sinh năm 1978; cư trú tại: Khóm 6, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ

liên hệ: Đường T, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 30/01/2020, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Tấn T1, sinh năm 1982; cư trú tại: Khu tập thể Bệnh viện đa khoa B, Đường N, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đào Ngọc Đ, sinh năm 1956; cư trú tại: Căn tin Bệnh viện đa khoa B, Đường N, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông Trần Quốc S là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/7/2007 và 21/9/2007, Bệnh viện đa khoa B (sau đây gọi tắt là Bệnh viện) có ký kết hợp đồng thuê mặt bằng với ông Lê Tấn T1, theo đó Bệnh viện cho ông T1 thuê hai mặt bằng căn tin khu Ngoại Sản (Cấp cứu) và căn tin khu Nội Nhi, ông T1 đứng tên ký hợp đồng nhưng thực tế người trực tiếp kinh doanh 02 căn tin này là bà Đào Ngọc Đ (mẹ ruột ông T1). Đến ngày 25/8/2010 Bệnh viện và ông Lê Tấn T1, bà Đào Ngọc Đ đối chiếu công nợ, xác định ông T1 và bà Đ còn nợ lại của Bệnh viện số tiền thuê mặt bằng còn thiếu là 940.160.000 đồng, các bên thống nhất ký lại hợp đồng thuê mới nên ngày 01/9/2010, Bệnh viện và bà Đào Ngọc Đ ký Hợp đồng thuê mặt bằng 04/HĐKT-BV, theo đó Bệnh viện cho bà Đ thuê hai căn tin trên thời gian là 12 tháng kể từ ngày 01/9/2010 đến hết ngày 01/9/2011, với giá thuê căn tin khu Nội Nhi là 78.000.000 đồng/tháng, căn tin khu Ngoại Sản (Cấp cứu) là 70.000.000 đồng/tháng, tổng cộng giá thuê hai căn tin là 148.000.000 đồng/tháng. Ngoài việc hàng tháng trả số tiền thuê hai mặt bằng nêu trên thì bà còn phải trả cho Bệnh viện số tiền bà và ông T1 còn nợ trước đó (tổng cộng nợ trước là 940.160.000 đồng), mỗi tháng trả 15.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận phương thức thanh toán là: tổng giá trị tiền thuê mỗi tháng nộp làm ba đợt bằng tiền mặt vào các ngày 10, 20 và đợt sau cùng từ ngày 01 đến ngày 03 hàng tháng tại Phòng Tài chính kế hoạch của Bệnh viện. Nếu sau 07 ngày theo hạn phải nộp tiền mà bà Đ không nộp đủ số tiền nêu trên thì Bệnh viện có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải báo trước cho bà Đ biết. Ngoài ra, hợp đồng còn thỏa thuận việc Bệnh viện có trách nhiệm đóng thuế kinh doanh của 02 căn tin này, các khoản khác thì do bà Đ tự đóng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ nhiều lần vi phạm do thanh toán tiền thuê trễ hạn. Sau khi kết thúc hợp đồng thuê, mặc dù Bệnh viện đã tạo điều kiện cho bà Đ tiếp tục thuê nhưng bà Đ thường xuyên vi phạm hợp đồng, thanh toán tiền thuê trễ cho Bệnh viện. Sau nhiều lần làm việc, đối chiếu công nợ và cam kết trả nợ nhưng bà Đ vẫn không thanh toán tiền thuê như cam kết nên ngày 19/10/2018 Bệnh viện ra Thông báo số 914/TB-BV yêu cầu bà Đ thanh toán tiền nợ và kết thúc hợp đồng thuê 02 căn tin, đề nghị bà Đ giao trả lại 02 căn tin cho Bệnh viện và trả số tiền nợ còn lại, hạn chót là vào ngày

31/12/2018 nhưng đến nay bà Đ vẫn không thực hiện. Ngày 04/3/2019, Bệnh viện thông báo cắt điện, nước 02 căn tin để tiến hành sửa chữa nâng cấp yêu cầu bà Đ di dời trả lại 02 căn tin cho Bệnh viện nhưng bà Đ không đồng ý trả nên Bệnh viện cắt điện, nước 02 căn tin từ tháng 4/2019 đến nay.

Nay Bệnh viện yêu cầu bà Đào Ngọc Đ trả lại mặt bằng 02 căn tin nêu trên cho Bệnh viện, đồng thời yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ thuê mặt bằng còn thiếu, cụ thể: Tiền thuê 02 căn tin còn thiếu tính đến ngày 31/12/2018 là 2.463.166.000 đồng; tiền thuê 02 căn tin từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/3/2019 (03 tháng) là 444.000.000 đồng, trừ đi tiền thuế 03 tháng bà Đ phải nộp là 63.000.000 đồng, còn lại 381.000.000 đồng; tiền thuê căn tin khu Ngoại sản (Cấp cứu) từ ngày 01/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (do sau khi cắt điện nước bà Đ vẫn tiếp tục kinh doanh căn tin khu Ngoại sản đến nay), theo thỏa thuận mỗi tháng bà Đ trả tiền thuê căn tin Ngoại sản là 70.000.000 đồng, do cắt điện nước nên Bệnh viện đồng ý giảm tiền thuê, buộc bà Đ phải trả tiền thuê mỗi tháng là 60.000.000 đồng, tổng số tiền là 462.000.000 đồng, trừ đi tiền thuế bà Đ phải nộp là 80.850.000 đồng (mỗi tháng 10.500.000 đồng), còn lại 381.150.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ thuê 02 căn tin bà Đ còn phải trả cho Bệnh viện là 3.225.316.000 đồng.

Bị đơn bà Đào Ngọc Đ; người đại diện theo ủy quyền của bà Đ tại cấp sơ thẩm là ông Lê Văn Tấn và người đại diện theo ủy quyền của bà Đ tại cấp phúc thẩm là bà Tạ Yến O trình bày: Bà Đ thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng thuê mặt bằng giữa Bệnh viện và bà Đào Ngọc Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do việc kinh doanh của bà Đ gặp khó khăn, bà Đ phải bán hết tài sản của bà Đ để đầu tư vào căn tin nhưng vẫn không đạt được hiệu quả, từ những vấn đề trên dẫn đến việc bà Đ có vi phạm hợp đồng và không trả tiền thuê kịp thời cho Bệnh viện. Bà Đ đã nhiều lần liên hệ với Ban lãnh đạo của Bệnh viện xin được giảm giá thuê mặt bằng 02 căn tin nhưng lãnh đạo Bệnh viện không đồng ý. Vì vậy, nay Bệnh viện đa khoa B yêu cầu bà Đ trả lại mặt bằng các căn tin đã thuê thì bà Đ đồng ý trả. Đối với số tiền thuê mặt bằng còn thiếu đề nghị phía bệnh viện tính toán lại; đối với giá thuê 02 căn tin thì bà Đ chấp nhận giá thuê từ ngày 01/9/2010 đến ngày 01/9/2011 là 148.000.000 đồng/tháng đúng như hợp đồng đã thỏa thuận. Kể từ ngày 02/9/2011 đến nay, do không có thỏa thuận và việc kinh doanh khó khăn nên bà Đ chỉ chấp nhận giá thuê của hai căn tin là 86.000.000 đồng/tháng, vì hiện nay giá thuê của 02 căn tin trên cộng thêm một số căn tin phụ Bệnh viện đưa ra cho thuê với giá chỉ 86.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra thời điểm bà Đ kinh doanh thì lúc đó Bệnh viện ít bệnh nhân nên việc kinh doanh khó khăn hơn thời điểm hiện tại rất nhiều.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn T1 và đại diện theo quyền của ông T1 tại cấp sơ thẩm bà Tạ Yến O trình bày: Ông T1 thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về quá trình ký kết

và thực hiện hợp đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Bệnh viện đối với bà Đ thì ông xác định đây là khoản nợ của bà Đ đối với Bệnh viện không liên quan đến ông nên ông không có ý kiến gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giá thuê 02 căn tin.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bệnh viện đa khoa B đối với bà Đào Ngọc Đ.

Buộc bà Đào Ngọc Đ giao trả cho Bệnh viện đa khoa B căn tin khu Nội nhi và căn tin khu Ngoại sản (cấp cứu) trong Bệnh viện đa khoa B (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Bệnh viện đa khoa B được quyền quản lý, sử dụng đối với: Nhà tiền chế phía sau căn tin, có kết cấu khung cột gỗ, vách tole, nền láng xi măng, diện tích 11,68m²; khung lưới B40, bằng khung sắt, hộp dài, diện tích dài 8,0m, cao 1,2m; cửa căn tin bằng khung sắt, lưới B40, diện tích 6,5m²; khung mái che bằng khung thép bên trong căn tin, diện tích 13,5m²; khung mái che, khung cột thép phía trước căn tin, diện tích 27m².

Buộc bà Đào Ngọc Đ di dời các tài sản gồm: 02 mái hiên bằng bạt cuốn, có chiều dài 5,5m và 3,0m, mái che.

Buộc bà Đào Ngọc Đ có trách nhiệm trả cho Bệnh viện đa khoa B tiền thuê 02 căn tin còn thiếu là 3.215.994.064 đồng (*Ba tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2019, bị đơn bà Đào Ngọc Đ kháng cáo không đồng ý trả cho Bệnh viện đa khoa B tiền thuê mặt bằng là 3.215.994.064 đồng và yêu cầu chấp nhận giá thuê của bà đối với 02 căn tin của Bệnh viện đa khoa B từ ngày 02/9/2011 (Sau khi kết thúc hợp đồng 04 ngày 01/9/2011) là 86.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Ngọc Đ;

giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 61/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đào Ngọc Đ nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Đào Ngọc Đ, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[3.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định ngày 01/9/2010, giữa Bệnh viện và bà Đ có ký kết Hợp đồng thuê mặt bằng kinh doanh số 04/HĐKT-BV, nội dung: Bệnh viện cho bà Đào Ngọc Đ thuê 02 căn tin khu Nội nhi và khu Ngoại sản (cấp cứu), thời gian là 12 tháng kể từ ngày 11/9/2010 đến ngày 11/9/2011, giá thuê căn tin khu Nội Nhi là 78.000.000 đồng/tháng, căn tin khu Ngoại sản là 70.000.000 đồng/tháng, tổng cộng giá thuê hai căn tin là 148.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận trả tiền thuê hàng tháng, nếu bà Đ vi phạm thời hạn trả tiền thuê thì Bệnh viện có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải báo trước cho bà Đ biết. Ngoài ra, hợp đồng còn thỏa thuận ngoài việc hàng tháng trả số tiền thuê hai mặt bằng nêu trên thì bà Đ còn phải trả cho Bệnh viện số tiền bà và ông T1 còn nợ trước đó là 940.160.000 đồng, mỗi tháng trả 15.000.000 đồng và thỏa thuận về quyền, nghĩa vụ của các bên. Các đương sự xác định sau khi kết thúc hợp đồng nêu trên Bệnh viện tiếp tục cho bà Đ thuê 02 căn tin trên nhưng không ký kết hợp đồng mới và không thỏa thuận về thời hạn thuê. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Bà Đ kháng cáo yêu cầu tính lại giá thuê 02 căn tin của Bệnh viện Bạc Liêu từ ngày 02/9/2011 là 86.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử, xét thấy: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê ngày 01/9/2011 Bệnh viện tiếp tục cho bà Đ thuê 02 căn tin trên nhưng không ký kết hợp đồng mới và không thỏa thuận về thời hạn thuê; thực tế bà Đ vẫn thuê và sử dụng 02 căn tin kinh doanh cho đến nay. Căn cứ vào các biên bản làm việc và đối chiếu công nợ giữa các bên vào các ngày 11/8/2011, 07/8/2012, 14/10/2014, 10/02/2017, 10/10/2018 đều thể hiện giá thuê hàng tháng của 02 căn tin là 148.000.000 đồng/tháng (chưa trừ đi tiền thuế kinh doanh phải nộp, do theo thỏa thuận Bệnh viện phải nộp tiền thuế kinh doanh. Đến tháng 11/2014, do bà Đ đứng tên kinh doanh nên các bên thỏa thuận bà Đ nộp tiền thuế kinh doanh và Bệnh viện sẽ trừ tiền nộp thuế vào số tiền thuê căn tin bà Đ phải trả hàng tháng). Bà Đ xác định đã nhiều lần yêu cầu xin giảm tiền thuê nhưng lãnh đạo Bệnh viện không chấp nhận và bà cũng tiếp tục kinh doanh ở 02 căn tin này. Điều này cho thấy, bà Đ chấp nhận giá thuê 02 căn tin là 148.000.000 đồng/tháng và thực tế đến thời điểm hiện nay bà Đ vẫn

còn kinh doanh. Căn cứ vào các biên bản đối chiếu công nợ và sự thừa nhận của các bên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đ có trách nhiệm trả cho Bệnh viện số tiền thuê 02 căn tin còn thiếu là 3.215.994.064 đồng và không chấp nhận yêu cầu của bà Đ tính lại giá thuê 02 căn tin từ ngày 02/9/2011 đến nay với giá thuê 86.000.000 đồng/tháng mà chấp nhận giá thuê 02 căn tin mỗi tháng là 148.000.000 đồng (chưa trừ đi tiền thuế phải nộp của 02 căn tin) là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đào Ngọc Đ; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 61/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự sơ và phúc thẩm, bà Đào Ngọc Đ được miễn toàn bộ do bà Đ thuộc đối tượng được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 147, 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 472, Điều 481, Điều 482 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Ngọc Đ. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 61/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bệnh viện đa khoa B đối với bà Đào Ngọc Đ.

2. Buộc bà Đào Ngọc Đ giao trả cho Bệnh viện đa khoa B căn tin khu Nội nhi và căn tin khu Ngoại sản (cấp cứu) trong Bệnh viện đa khoa B, có vị trí và số đo cụ thể:

- Đối với căn tin khu Ngoại sản (cấp cứu): Tổng diện tích 277,2m².
- + Hướng Đông giáp với phần đất của Bệnh viện đa khoa B, có số đo 19,8m.
- + Hướng Tây giáp với Phòng lưu Bệnh viện thuộc khu Sản (dịch vụ) của Bệnh viện đa khoa B, có số đo 19,8m.
- + Hướng Nam giáp với phần đất của Bệnh viện đa khoa B, có số đo 14,0m.
- + Hướng Bắc giáp với phần đất của Bệnh viện đa khoa B, có số đo 14,0m.

- Đối với căn tin khu Nội nhi: Tổng diện tích 196,4m².
- + Hướng Đông giáp với đường đi nội bộ thuộc phần đất của Bệnh viện đa khoa B, có số đo 16,1m.
- + Hướng Tây giáp với phần đất trống của Bệnh viện đa khoa B, có số đo 14,2m.
- + Hướng Nam giáp với hàng rào của Bệnh viện đa khoa B, có số đo 14,5m.
- + Hướng Bắc giáp với phần đất của Bệnh viện đa khoa B, có số đo 12,6m.

3. Bệnh viện đa khoa B được quyền quản lý, sử dụng đối với: Nhà tiền chế phía sau căn tin, có kết cấu khung cột gỗ, vách tole, nền láng xi măng, diện tích 11,68m². Khung lưới B40, bằng khung sắt, hộp dài, diện tích dài 8,0m, cao 1,2m. Cửa căn tin bằng khung sắt, lưới B40, diện tích 6,5m². Khung mái che bằng khung thép bên trong căn tin, diện tích 13,5m². Khung mái che, khung cột thép phía trước căn tin, diện tích 27m².

4. Buộc bà Đào Ngọc Đ di dời các tài sản gồm: 02 mái hiên bằng bạt cuốn, có chiều dài 5,5m và 3,0m, mái che.

5. Buộc bà Đào Ngọc Đ có trách nhiệm trả cho Bệnh viện đa khoa B tiền thuê 02 căn tin còn thiếu là 3.215.994.064 đồng (*Ba tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng*).

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 450.000 đồng, bà Đào Ngọc Đ phải chịu toàn bộ. Bệnh viện đa khoa B đã nộp 450.000 đồng nên buộc bà Đào Ngọc Đ phải hoàn trả cho Bệnh viện đa khoa B số tiền 450.000 đồng.

7. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Ngọc Đ được miễn nộp. Bệnh viện đa khoa B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 40.981.000 đồng theo Biên lai thu số 0000329 ngày 25/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đào Ngọc Đ được miễn nộp. Bà Đào Ngọc Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006331 ngày 04/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

8. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều